

Số: /2022/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 23 tháng 11 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Quy định một số nội dung về thẩm định giá của Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Căn cứ Thông tư số 38/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định về phân công thực hiện thẩm định giá, Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước, yêu cầu, đề nghị thẩm định giá đối với tài sản, hàng hóa, dịch vụ được mua, bán, đi thuê phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị sử dụng nguồn vốn ngân sách (không bao gồm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư công, vốn nhà nước ngoài đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư).

2. Các quy định khác về thẩm định giá không quy định tại văn bản này thực hiện theo quy định của Luật Giá số 11/2012/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2012 của Quốc Hội; Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi

hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá; Nghị định số 12/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Giá về thẩm định giá và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập (*trừ đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ chi đầu tư và chi thường xuyên*), tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn (*sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, đơn vị*).

Điều 3. Phân công thực hiện thẩm định giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Sở Tài chính được giao nhiệm vụ thực hiện thẩm định giá trong trường hợp sau:

a) Mua, bán tài sản có giá trị dự toán từ 01 tỷ đồng đến dưới 02 tỷ đồng trên một đơn vị tài sản cho một lần thực hiện (*bao gồm cả trường hợp mua, bán lô tài sản có giá trị dự toán dưới 02 tỷ đồng, trong đó có 1 đơn vị tài sản có giá trị dự toán từ 01 tỷ đồng trở lên*) hoặc từ 02 tỷ đồng đến dưới 05 tỷ đồng trên một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ (*không bao gồm trường hợp lô tài sản trong đó có 01 tài sản có giá dự toán từ 2 tỷ đồng trở lên*) từ nguồn ngân sách cấp tỉnh (trừ tài sản là xe ô tô); cho thuê, đi thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dự toán từ 01 tỷ đồng trở lên cho cả thời gian thuê từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

b) Mua xe ô tô.

2. Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh thực hiện thẩm định giá thuộc các trường hợp:

a) Mua, bán trụ sở làm việc và các tài sản khác gắn liền với đất;

b) Mua, bán tài sản có giá trị dự toán từ 02 tỷ đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (*bao gồm cả mua, bán tài sản có giá trị dự toán dưới 05 tỷ đồng, trong đó có 1 đơn vị tài sản có giá trị dự toán từ 02 tỷ đồng trở lên*) hoặc từ 5 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho một lần thực hiện từ nguồn ngân sách cấp tỉnh.

3. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

a) Đối với các sở, ban, ngành hoặc tương đương:

- Thực hiện thẩm định giá mua sắm tài sản, hàng hóa dịch vụ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh có giá dự toán trên 100 triệu cho một lần thực hiện của đơn vị mình; Thực hiện thẩm định giá mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh có giá dự toán từ 500 triệu đồng trở lên cho một lần thực hiện đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

- Thực hiện thẩm định giá bán, đi thuê, cho thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh đối với đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành hoặc tương đương: Thực hiện thẩm định giá mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách cấp tỉnh có giá dự toán dưới 500 triệu đồng cho một lần thực hiện.

4. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố: Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện thẩm định giá mua, bán tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dự toán từ 500 triệu đồng trở lên trên một đơn vị tài sản (*bao gồm trường hợp lô tài sản có giá trị mua sắm dưới 01 tỷ đồng trong đó có 01 tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên cho 01 lần mua sắm*) hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên trên một lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho một lần thực hiện từ nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã. Cho thuê, đi thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dự toán từ 100 triệu đồng trở lên cho cả thời gian thuê từ nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã. Trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

5. Cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã: Thực hiện thẩm định giá trong trường hợp mua, bán, cho thuê, đi thuê tài sản, hàng hóa, dịch vụ từ nguồn ngân sách cấp huyện, cấp xã trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Hội đồng thẩm định giá cấp huyện thực hiện thẩm định giá đối với các trường hợp cần thiết theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

7. Hội đồng thẩm định giá của cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thẩm định giá đối với các trường hợp cần thiết theo đề nghị của bộ phận tham mưu của cơ quan, tổ chức, đơn vị được phân công thẩm định giá.

8. Các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện thẩm định giá được quyền thuê doanh nghiệp thẩm định giá để thực hiện nếu thấy cần thiết.

Điều 4. Quy định về Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước

1. Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước (Gọi tắt là Hội đồng thẩm định giá):

a) Thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng thẩm định giá:

- Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh do Giám đốc Sở Tài chính quyết định thành lập;
- Hội đồng thẩm định giá cấp huyện do Trưởng Phòng Tài chính - Kế hoạch quyết định thành lập;

- Hội đồng thẩm định giá tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị do người đứng đầu đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá quyết định thành lập.

b) Thành phần của Hội đồng thẩm định giá:

- Hội đồng thẩm định giá cấp tỉnh, cấp huyện:

+ Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước cấp tỉnh do Lãnh đạo Sở Tài chính làm Chủ tịch Hội đồng;

+ Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước cấp huyện do Lãnh đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch làm Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện đơn vị có tài sản cần thẩm định giá làm Phó Chủ tịch Hội đồng;

+ Đại diện đơn vị chuyên môn về loại tài sản cần thẩm định giá;

+ Đại diện đơn vị chuyên môn về quản lý giá, quản lý tài chính của cơ quan tài chính nhà nước;

+ Các thành viên khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định, căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

- Hội đồng thẩm định giá tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị:

+ Hội đồng thẩm định giá tài sản của cơ quan, tổ chức, đơn vị do lãnh đạo đơn vị được giao nhiệm vụ thẩm định giá hoặc người được ủy quyền làm Chủ tịch Hội đồng.

+ Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính, kế toán của đơn vị được phân công thẩm định giá tài sản;

+ Đại diện bộ phận chuyên môn về giá hoặc tài chính của cơ quan cấp trên (nếu có);

+ Các thành viên khác do cơ quan có thẩm quyền quyết định thành lập Hội đồng quyết định căn cứ vào tính chất, đặc điểm của tài sản cần thẩm định giá.

c) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước phải đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ: Phải có ít nhất một thành viên đã qua đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên ngành thẩm định giá theo quy định của Bộ Tài chính hoặc đã có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học chuyên ngành vật giá, thẩm định giá.

d) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá.

đ) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước làm việc theo nguyên tắc quy định tại khoản 4, Điều 28 Nghị định số 89/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ.

e) Hội đồng thẩm định giá tài sản nhà nước chấm dứt hoạt động sau khi hoàn thành nhiệm vụ quy định tại Quyết định thành lập Hội đồng. Các trường hợp phát sinh sau khi Hội đồng thẩm định giá chấm dứt hoạt động sẽ do cơ quan có thẩm quyền thành lập Hội đồng chủ trì xử lý.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 03 tháng 12 năm 2022 và thay thế khoản 5 Điều 1 Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân công

thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực giá thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 29/2015/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chịu trách nhiệm tổ chức, triển khai thực hiện Quyết định này; tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về thẩm định giá trên địa bàn tỉnh.

2. Thủ trưởng các cơ quan cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- Như Điều 6 (t/h);
- Vụ Pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế, Cục Quản lý giá - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- HĐND các huyện, thành phố;
- VP UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Trung tâm tin học - Công báo (đăng tải);
- Lưu VT, TH, HCTC&QTTV, NCPC.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đăng Bình